

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ

SẢN XUẤT HÀNG HÓA NÔNG NGHIỆP KHÔNG GÂY MẤT RỪNG



HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ
SẢN XUẤT HÀNG HÓA NÔNG NGHIỆP KHÔNG GÂY MẤT RỪNG

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	v
1. GIỚI THIỆU.....	6
1.1. Bối cảnh.....	6
1.2. Mục đích.....	6
1.3. Phạm vi áp dụng	6
1.4. Cấu trúc của hướng dẫn.....	7
2. TỔNG QUAN VỀ EUDR	7
2.1. Giới thiệu về EUDR	7
2.2. Mục tiêu của EUDR	7
2.3. Các yêu cầu cốt lõi của EUDR.....	7
2.4. Các nghĩa vụ theo EUDR	8
2.5. Thời hạn áp dụng EUDR.....	8
2.6. Hệ quả khi không tuân thủ	8
3. NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU CỦA DDS THEO EUDR.....	8
3.1. Khái niệm DDS (Hệ thống Thẩm định Rủi ro – Due Diligence System)	8
3.2. Nguyên tắc thực hiện DDS.....	8
3.3. Yêu cầu tối thiểu đối với từng bước trong DDS	8
4. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ VÀ HỒ SƠ TRUY XUẤT	10
4.1. Mục tiêu.....	10
4.2. Thông tin cần thu thập theo yêu cầu của EUDR	10
4.3. Dữ liệu địa lý (Geo-location data).....	10
4.4. Hệ thống hồ sơ và truy xuất nguồn gốc.....	10
4.5. Kiểm tra và rà soát dữ liệu	11
5. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THEO CÁC TIÊU CHÍ (PHÁP LÝ, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, TRUY XUẤT).....	11
5.1. Mục tiêu.....	11
5.2. Các tiêu chí phân tích rủi ro	11
5.3. Phân loại rủi ro	13
5.4. Nguồn thông tin và công cụ hỗ trợ đánh giá rủi ro.....	13
5.5. Tỷ lệ rút mẫu đánh giá rủi ro	13
5.6. Báo cáo đánh giá rủi ro.....	13
6. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	13
6.1. Nguyên tắc chung	13
6.2. Biện pháp giảm thiểu phù hợp.....	13
6.3. Kế hoạch thực hiện giảm thiểu rủi ro	14
6.4. Theo dõi và cải tiến biện pháp giảm thiểu rủi ro.....	14
7. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ VÀ XEM XÉT CỦA CẤP LÃNH ĐẠO.....	15
7.1. Mục tiêu.....	15
7.2. Đánh giá nội bộ hệ thống DDS	15
7.3. Đánh giá của tập thể lãnh đạo	15
7.4. Hồ sơ và lưu trữ.....	15
8. BÁO CÁO TUYÊN BỐ VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ.....	16
8.1. Mục tiêu.....	16
8.2. Yêu cầu về báo cáo tuyên bố.....	16

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Yêu cầu thu thập thông tin theo EUDR	10
Bảng 2. Các rủi ro pháp lý.....	11
Bảng 3. Các rủi ro môi trường.....	12
Bảng 4. Các rủi ro xã hội và quyền cộng đồng địa phương	12
Bảng 5. Rủi ro truy suất nguồn gốc.....	12
Bảng 6. Tỷ lệ rút mẫu đánh giá rủi ro	13
Bảng 7. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro	14

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Mẫu báo cáo EUDR DDS đơn giản cho quốc gia rủi ro thấp và không có điểm quan ngại (red flags).....	18
Phụ lục 2. Mẫu báo cáo Hệ thống thẩm định đầy đủ (EUDR-DDS).....	20
Phụ lục 3. Mẫu báo cáo đánh giá nội bộ EUDR DDS (áp dụng cho EUDR DDS đầy đủ).....	22
Phụ lục 4. Mẫu báo cáo soát xét cấp lãnh đạo cho hệ thống EUDR DDS	24
Phụ lục 5. Báo cáo tuyên bố hệ thống EUDR DDS	26
Phụ lục 6. Checklist tổng thể hệ thống EUDR DDS	28

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
CEFIC	Hội đồng công nghiệp hóa chất Châu Âu
DDS	Hệ thống trách nhiệm giải trình
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
GIZ	Tổ chức hợp tác quốc tế Đức
EC	Ủy ban Châu Âu
EU	Liên minh Châu Âu
EUDR	Quy định của Liên minh Châu Âu về sản xuất hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng
FAO	Tổ chức Nông nghiệp và lương thực của Liên hợp quốc
FSC	Forest Stewardship Council
IPCC	Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu
KTXH	Kinh tế - xã hội
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
MRV	Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định
MOU	Biên bản ghi nhớ hợp tác
PEFC	Program for Endorsement of Forest Certification
RECOPTC	Trung tâm vì con người và rừng
VCCI	Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam
VNTLAS	Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp của Việt Nam
VPA/FLEGT	Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
WWF	Quỹ quốc tế Bảo vệ thiên nhiên

1. GIỚI THIỆU

1.1. Bối cảnh

Năm 2023, Liên minh châu Âu (EU) đã ban hành Quy định số 2023/1115 – Quy định về Sản phẩm không gây mất rừng (EUDR). Quy định này yêu cầu các doanh nghiệp nhập khẩu, xuất khẩu hoặc cung ứng các sản phẩm có nguy cơ liên quan đến mất rừng vào thị trường EU (như gỗ, cà phê, ca cao, đậu nành, dầu cọ, thịt bò và cao su) phải chứng minh rằng sản phẩm không góp phần vào mất rừng, suy thoái rừng hoặc vi phạm quyền con người kể từ sau ngày 31/12/2020.

EUDR áp dụng cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương nhân (bao gồm cả các công ty trong EU và ngoài EU) đưa các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh vào thị trường EU hoặc xuất khẩu ra khỏi EU. Theo đó, yêu cầu đối với các doanh nghiệp này là chỉ được đưa sản phẩm “không gây mất rừng, hợp pháp và có truy xuất nguồn gốc rõ ràng” vào hoặc ra khỏi thị trường EU. Hiệu lực áp dụng EUDR sau khi được gia hạn là từ ngày 30/12/2025 đối với doanh nghiệp lớn và từ ngày 30/06/2026 đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Doanh nghiệp phải thiết lập Hệ thống thẩm định (Due Diligence System - DDS) cho toàn bộ chuỗi cung ứng từ khai thác nguyên liệu, chế biến, vận chuyển, lưu thông đến nhập khẩu vào EU, bao gồm cả các tổ chức ngoài EU. Việc cung cấp thông tin vị trí địa lý (tọa độ polygon) của vùng sản xuất là bắt buộc.

Để hỗ trợ việc đánh giá rủi ro, vào ngày 22 tháng 5 năm 2025, Ủy ban châu Âu đã công bố phân loại rủi ro quốc gia (Country Risk Classification) theo ba mức: Thấp (Low), Tiêu chuẩn (Standard), và Cao (High). Mức rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp đến yêu cầu của DDS:

- Với quốc gia được phân loại rủi ro thấp, doanh nghiệp có thể áp dụng hệ thống DDS đơn giản hóa.
- Với quốc gia rủi ro tiêu chuẩn hoặc cao, doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ ba bước của DDS (thu thập thông tin – đánh giá rủi ro – giảm thiểu rủi ro).

Tuy nhiên, kể cả khi quốc gia được xếp loại rủi ro thấp, nếu phát hiện có các “vấn đề quan ngại” (red flags) – ví dụ như vi phạm pháp luật, tranh chấp quyền sử dụng đất, nghi vấn về nguồn gốc gỗ – thì doanh nghiệp vẫn bắt buộc phải áp dụng đầy đủ hệ thống DDS ba bước như với quốc gia rủi ro cao hoặc tiêu chuẩn.

Do vậy, các doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất, chế biến gỗ và sản phẩm liên quan cần chủ động xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro và đảm bảo tuân thủ quy định này mới có thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng khắt khe của chuỗi cung ứng vào thị trường EU.

1.2. Mục đích

Cung cấp các hướng dẫn đánh giá tuân thủ EUDR để các tổ chức, doanh nghiệp có thể tự tổ chức đánh giá, hoặc kết hợp mời chuyên gia tham gia. Hướng dẫn cung cấp các thông tin liên quan đến:

- Yêu cầu pháp lý và nguyên tắc cốt lõi của EUDR;
- Cách xây dựng và thực hiện Hệ thống Thẩm định rủi ro (Due Diligence System – DDS);
- Phương pháp đánh giá, phân loại rủi ro và biện pháp giảm thiểu rủi ro theo các tiêu chí pháp lý, môi trường, xã hội và truy xuất nguồn gốc;
- Chuẩn bị hồ sơ chứng từ, dữ liệu địa lý (geolocation) phục vụ báo cáo và xác minh;
- Tổ chức đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống DDS.

1.3. Phạm vi áp dụng

Hướng dẫn này áp dụng cho:

- Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, xuất khẩu gỗ và sản phẩm có liên quan đến thị trường EU;
- Các tổ chức, chủ rừng, chủ nhà máy cần đánh giá tính tuân thủ và xây dựng hồ sơ minh chứng;
- Các bên thứ ba (tổ chức chứng nhận, kiểm toán viên, cơ quan quản lý) sử dụng làm căn cứ để kiểm tra và xác minh hệ thống DDS của doanh nghiệp và chuỗi cung ứng.
- Theo công bố kết quả phân loại rủi ro quốc gia của EU, Việt Nam được phân loại là quốc gia có mức rủi ro thấp. Vì vậy, chuỗi cung ứng gỗ và các sản phẩm liên quan có thể áp dụng Hệ thống DDS đơn giản hóa. Tuy nhiên, do những rủi ro tiềm ẩn khác liên quan đến các vấn đề quan ngại (red flags) – ví dụ như vi phạm pháp luật, tranh chấp quyền sử dụng đất, nghi vấn về nguồn gốc gỗ,... tài liệu này đưa ra hướng dẫn thực hiện DDS đầy đủ để doanh nghiệp áp dụng và đồng thời đưa ra mẫu DDS đơn giản hóa áp dụng cho quốc gia có rủi ro thấp để các bên liên quan có thể linh động áp dụng cho phù hợp với bối cảnh và tính phức tạp của chuỗi cung ứng của mình.

1.4. Cấu trúc của hướng dẫn

Hướng dẫn bao gồm các nội dung chính: (i) Giới thiệu; (ii) Tổng quan về EUDR; (iii) Nguyên tắc và yêu cầu của DDS theo EUDR; (iv) Xây dựng hệ thống thu thập thông tin, dữ liệu địa lý và hồ sơ truy xuất; (v) Phân tích và đánh giá rủi ro theo các tiêu chí (pháp lý, môi trường, xã hội, truy xuất); (vi) Biện pháp giảm thiểu rủi ro và kế hoạch hành động; (vii) Tổ chức đánh giá nội bộ và xem xét lãnh đạo; (viii) Báo cáo tuân thủ và lưu trữ hồ sơ; và (ix) Biểu mẫu, công cụ hỗ trợ, tài liệu tham khảo (bao gồm cả mẫu thu thập thông tin theo DDS đơn giản hóa đối với quốc gia có rủi ro thấp).

2. TỔNG QUAN VỀ EUDR

2.1. Giới thiệu về EUDR

Quy định EUDR (European Union Deforestation Regulation) – **Quy định (EU) 2023/1115 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu** – được ban hành vào ngày 31/05/2023 và có hiệu lực từ ngày **29/06/2023, nhưng được gia hạn áp dụng từ ngày 30/12/2025 với doanh nghiệp lớn và từ ngày 30/06/2026 với doanh nghiệp vừa và nhỏ**. Quy định này thay thế cho Quy định cũ về gỗ hợp pháp (EU Timber Regulation – EUTR) và mở rộng phạm vi sang **bảy loại hàng hóa chính** có nguy cơ liên quan đến phá rừng: Gỗ, Cà phê, Cao su, Dầu cọ, Cao su, Đậu nành, Sản phẩm từ chăn nuôi (như thịt bò, da). Ngoài ra, các sản phẩm phái sinh từ các loại hàng hóa trên như giấy, đồ nội thất, chocolate, v.v. cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR.

2.2. Mục tiêu của EUDR

- Ngăn chặn việc nhập khẩu hoặc tiêu thụ trên thị trường EU các sản phẩm liên quan đến phá rừng hoặc suy thoái rừng.
- Thúc đẩy chuỗi cung ứng minh bạch, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.
- Bảo vệ quyền của người dân bản địa và cộng đồng địa phương liên quan đến đất rừng.

2.3. Các yêu cầu cốt lõi của EUDR

Doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương nhân đưa sản phẩm vào thị trường EU hoặc xuất khẩu ra khỏi EU bắt buộc phải:

- Không được liên quan đến mất rừng hoặc suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020.
- Tuân thủ các quy định pháp luật của nước sản xuất, bao gồm:
 - Luật sử dụng đất, quyền sở hữu đất,
 - Luật bảo vệ môi trường,
 - Quyền của người bản địa,
 - Luật lao động.
- Có thông tin địa lý (tọa độ) chính xác nơi sản phẩm được sản xuất hoặc thu hoạch.

- Thiết lập và thực hiện hệ thống thẩm định rủi ro (DDS) để đảm bảo tính hợp pháp và không gây mất rừng.

2.4. Các nghĩa vụ theo EUDR

Doanh nghiệp có nghĩa vụ:

- Thu thập và lưu trữ dữ liệu thông tin liên quan đến sản phẩm: loại hàng hóa, số lượng, nước xuất xứ, tọa độ địa lý nơi khai thác hoặc sản xuất.
- Thực hiện phân tích và đánh giá rủi ro, phân loại thành đáng kể hoặc không đáng kể.
- Áp dụng biện pháp giảm thiểu rủi ro nếu xác định có rủi ro đáng kể.
- Gửi báo cáo Tuyên bố Tuân thủ (Due Diligence Statement) lên hệ thống thông tin EU (EU Information System) trước khi đưa sản phẩm ra thị trường EU (áp dụng cho doanh nghiệp xuất – nhập khẩu và thương nhân trực tiếp đưa hàng vào hoặc ra khỏi EU).

2.5. Thời hạn áp dụng EUDR

Thời gian hiệu lực áp dụng với doanh nghiệp lớn là 30/12/2025 và với doanh nghiệp vừa và nhỏ là 30/06/2026.

2.6. Hệ quả khi không tuân thủ

Việc vi phạm EUDR có thể dẫn đến:

- Tịch thu hàng hóa
- Phạt hành chính nghiêm trọng
- Cấm đưa hàng hóa vào thị trường EU
- Ảnh hưởng uy tín và quan hệ thương mại

3. NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU CỦA DDS THEO EUDR

3.1. Khái niệm DDS (Hệ thống Thẩm định Rủi ro – Due Diligence System)

DDS là một hệ thống quản lý được thiết kế để đảm bảo rằng hàng hóa liên quan không có nguy cơ hoặc rủi ro đáng kể về phá rừng, suy thoái rừng hoặc vi phạm pháp luật, đặc biệt là từ ngày 31/12/2020 trở đi. Hệ thống DDS bao gồm ba bước cốt lõi:

- 1) Thu thập thông tin (Information Gathering)
- 2) Đánh giá rủi ro (Risk Assessment)
- 3) Giảm thiểu rủi ro (Risk Mitigation)

3.2. Nguyên tắc thực hiện DDS

- Ngăn ngừa hơn là khắc phục: DDS nhằm ngăn chặn rủi ro từ sớm bằng phân tích kỹ lưỡng thông tin và thực hiện biện pháp phòng ngừa.
- Dựa trên bằng chứng: Mọi đánh giá và quyết định phải có tài liệu, dữ liệu hỗ trợ.
- Truy xuất nguồn gốc rõ ràng: Hàng hóa phải được truy xuất đến tọa độ địa lý nơi sản xuất hoặc khai thác.
- Thực hiện liên tục: DDS không phải hoạt động một lần, mà là một hệ thống vận hành xuyên suốt trong quá trình kinh doanh.
- Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: Toàn bộ dữ liệu, đánh giá và hành động phải được ghi chép và lưu trữ đầy đủ.

3.3. Yêu cầu tối thiểu đối với từng bước trong DDS

3.3.1. Thu thập thông tin (Information Gathering)

Theo quy định tại Điều 9 (1) EUDR, Doanh nghiệp phải thu thập đầy đủ các thông tin sau:

Các tổ chức (operators và non-SME traders) phải thu thập và lưu giữ tối thiểu các thông tin sau trước khi đưa sản phẩm lên thị trường EU hoặc xuất khẩu:

- 1) Quốc gia sản xuất – Ghi rõ quốc gia xuất xứ nguyên liệu (ví dụ: Việt Nam)
- 2) Tọa độ địa lý (plot of land) – gồm:

- Dữ liệu tọa độ GPS của lô đất/lô rừng nơi sản phẩm được thu hoạch
 - Điểm trung tâm (point) nếu diện tích <4 ha, hoặc polygon nếu ≥4 ha
 - Định dạng hệ tọa độ như WGS, GeoJSON... cho phép truy xuất chính xác
- 3) Thời điểm sản xuất/khai thác – tháng/năm thu hoạch; đối với động vật (trâu bò) cần thời gian nuôi đến khi giết mổ
 - 4) Tuân thủ pháp luật (legality) – Các hồ sơ pháp lý chứng minh hợp pháp:
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
 - Giấy phép khai thác (nếu có)
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
 - Bảng kê lâm sản/ bảng kê hàng hóa, hợp đồng mua bán hợp lệ
 -
 - 5) Tên nhà cung cấp – thông tin nhận dạng (tên, mã số thuế, địa chỉ...) của tất cả các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp
 - 6) Loại sản phẩm – xác định rõ nhóm hàng hóa (gỗ, cà phê, cao su, dầu cọ...), tên, loại, số lượng sản phẩm
 - 7) Bảng chứng sản phẩm không liên quan đến mất rừng hoặc suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020
 - 8) Cam kết hoặc báo cáo FPIC (nếu có liên quan đến người bản địa)

3.3.2. Đánh giá rủi ro (Risk Assessment)

a) Trường hợp phải đánh giá rủi ro theo quy định của EUDR

Bảng 1. Các trường hợp thực hiện đánh giá rủi ro

Loại DDS	Phân loại rủi ro quốc gia	Có dấu hiệu cảnh báo (red flags)?	Yêu cầu đánh giá rủi ro	Yêu cầu kế hoạch giảm thiểu rủi ro
DDS đơn giản	Rủi ro thấp	✗ Không	✗ Không yêu cầu	✗ Không yêu cầu
DDS đầy đủ	Trung bình / Cao	☑ Có	☑ Bắt buộc	☑ Bắt buộc
DDS đầy đủ	Rủi ro thấp	☑ Có (dù chỉ 1 red flag)	☑ Bắt buộc	☑ Bắt buộc

Ghi chú: mẫu Báo cáo EUDR DDS đơn giản được trình bày tại **Phụ lục 1**.

Phân loại rủi ro quốc gia theo EUDR có thể truy cập tại đường link:

https://redirect.zalo.me/v3/verifyv2/pc?token=OMVrnTjQlmfd3_3Is1vGPMSAzQ_GImLaPrkXgzj5368o1QFztK8CO3PKgA7VGGXlQ5ljycC&continue=https%3A%2F%2Fgreen-forum.ec.europa.eu%2Fdeforestation-regulation-implementation%2Feur-cooperation-and-partnerships%2Fcountry-classification-list_en

b) Đánh giá khả năng sản phẩm vi phạm một hoặc nhiều điều kiện:

- Có nguồn gốc từ khu vực mất rừng, suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020?
- Vi phạm quyền pháp lý hoặc quyền của người bản địa?
- Không có khả năng truy xuất đến khu vực sản xuất?

c) Phân loại rủi ro:

- Rủi ro không đáng kể (negligible risk): Có đủ bằng chứng để chứng minh tính tuân thủ.
- Rủi ro đáng kể (non-negligible risk): Có nghi ngờ, không đủ thông tin hoặc có dữ liệu mâu thuẫn.

3.3.3. Giảm thiểu rủi ro (Risk Mitigation)

Khi rủi ro được xác định là đáng kể, doanh nghiệp phải:

- Thực hiện kiểm tra bổ sung (đánh giá, lấy mẫu, kiểm tra hiện trường)
- Yêu cầu nhà cung cấp cung cấp thêm tài liệu minh chứng
- Loại trừ nhà cung cấp nếu không thể chứng minh tuân thủ
- Cập nhật hệ thống quản lý và đào tạo nội bộ

Chỉ sau khi thực hiện đầy đủ biện pháp giảm thiểu và đưa rủi ro xuống mức không đáng kể, doanh nghiệp mới được tiếp tục đưa sản phẩm vào thị trường EU.

4. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ VÀ HỒ SƠ TRUY XUẤT

4.1. Mục tiêu

Thiết lập một hệ thống hiệu quả để thu thập đầy đủ và chính xác thông tin liên quan đến sản phẩm, tọa độ địa lý của nguồn gốc nguyên liệu, và tài liệu truy xuất – nhằm phục vụ việc đánh giá rủi ro và chứng minh sự tuân thủ theo EUDR.

4.2. Thông tin cần thu thập theo yêu cầu của EUDR

Các thông tin cần thu thập theo yêu cầu của EUDR được mô tả tại bảng sau:

Bảng 2. Yêu cầu thu thập thông tin theo EUDR

STT	Loại thông tin bắt buộc	Mô tả chi tiết
1	Quốc gia sản xuất	Tên quốc gia nơi sản phẩm được thu hoạch hoặc sản xuất
2	Vị trí địa lý	- Tọa độ điểm (nếu < 4 ha) hoặc polygon (nếu ≥ 4 ha) - Định dạng file: GeoJSON hoặc tương đương
3	Thời điểm sản xuất/khai thác	Ghi rõ tháng/năm thu hoạch hoặc khai thác sản phẩm
4	Tuân thủ pháp luật	Bao gồm các hồ sơ hợp pháp như: • Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất • Giấy phép khai thác (nếu có) • Đăng ký kinh doanh • Bảng kê lâm sản/hóa đơn/chứng từ liên quan
5	Tên nhà cung cấp	Tên cá nhân hoặc pháp nhân, mã số thuế (nếu có), địa chỉ liên hệ
6	Loại sản phẩm	Ghi rõ loại sản phẩm: gỗ, cà phê, cao su, ca cao, đậu nành, dầu cọ, thịt bò...
7	Lưu trữ thông tin	Thông tin trên phải được lưu trữ tối thiểu 5 năm và sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu kiểm tra

4.3. Dữ liệu địa lý (Geo-location data)

Bắt buộc: Đối với gỗ và các sản phẩm có liên quan, phải cung cấp **tọa độ địa lý chính xác** của tất cả các lô/khu đất nơi sản phẩm được khai thác sau ngày 31/12/2020.

- **Yêu cầu định dạng:** GPS theo chuẩn **WGS84** (hệ tọa độ quốc tế), hoặc GeoJSON
- **Mức độ chi tiết:**

Tọa độ 01 điểm (thường lấy tâm ô) (nếu < 4 ha) hoặc dạng vùng (polygon) (nếu diện tích ô ≥ 4 ha). Tọa độ địa lý có thể cung cấp ở dạng cụm các lô rừng (multi-polygons) – ví dụ dạng vùng của nhiều lô rừng của một nhóm hộ.

- **Tài liệu bổ trợ:**
 - Bản đồ địa chính (giải thửa), hợp đồng thuê đất/lâm phần,
 - Ảnh vệ tinh, kết quả từ thiết bị định vị cầm tay (GPS, smartphone)
 - Giấy chứng nhận nguồn gốc lô gỗ từ cơ quan quản lý nhà nước (nếu áp dụng)

4.4. Hệ thống hồ sơ và truy xuất nguồn gốc

Doanh nghiệp cần duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo:

- Liên kết được giữa từng lô hàng và thông tin nguồn gốc tương ứng
- Tích hợp hồ sơ pháp lý, dữ liệu địa lý và lịch sử giao dịch

- Khả năng truy ngược từ sản phẩm cuối cùng về khu vực khai thác/sản xuất ban đầu
- Lưu trữ tối thiểu trong vòng 5 năm

Gợi ý công cụ sử dụng:

- Hệ thống quản lý chuỗi cung ứng (ERP)
- Cơ sở dữ liệu GPS kết hợp mã hóa QR hoặc barcode (nếu có)
- Phần mềm GIS và Google Earth để lưu trữ bản đồ, Global Forest Watch (GFW) để theo dõi, kiểm chứng thông tin mất rừng.
- Bảng tính (Excel) có liên kết giữa nhà cung cấp, tọa độ và sản phẩm

4.5. Kiểm tra và rà soát dữ liệu

- **Tần suất:** Kiểm tra định kỳ 6 tháng hoặc khi có thay đổi nhà cung cấp/lô sản phẩm.
- **Phương pháp:**
 - So sánh chéo thông tin giữa giấy tờ và thực tế.
 - Đối chiếu thông tin giữa các nguồn cung cấp khác nhau.
 - Kiểm tra GPS thực địa với các điểm khai thác đã báo cáo.

5. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THEO CÁC TIÊU CHÍ (PHÁP LÝ, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, TRUY XUẤT)

5.1. Mục tiêu

Đảm bảo tổ chức xác định, phân tích và phân loại rủi ro liên quan đến nguồn gốc gỗ hoặc nguyên liệu, từ đó áp dụng các biện pháp giảm thiểu phù hợp để đạt yêu cầu "rủi ro không đáng kể" theo quy định của EUDR.

5.2. Các tiêu chí phân tích rủi ro

Rủi ro cần được đánh giá theo **4 nhóm tiêu chí chính** dưới đây. Mỗi nhóm có các nội dung cụ thể cần xem xét

5.2.1. Rủi ro pháp lý

Các rủi ro pháp lý được mô tả như sau:

Bảng 3. Các rủi ro pháp lý thường gặp

TT	Tiêu chí rủi ro	Ví dụ cần kiểm tra
1	Giấy phép khai thác hợp pháp (nếu áp dụng)	Giấy phép còn hiệu lực, phù hợp diện tích/lô khai thác
2	Tuân thủ luật bảo vệ rừng, môi trường	Không khai thác trong khu bảo tồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ
3	Tuân thủ quy định xuất nhập khẩu	Hồ sơ hải quan, chứng từ xuất nhập khẩu hợp pháp
4	Hồ sơ quyền sử dụng đất	Sổ đỏ, hợp đồng thuê đất, xác nhận địa phương, phiếu kiểm tra hiện trường (nếu không có các giấy tờ đã được cấp)
5	Hồ sơ pháp lý của nhà cung cấp	Giấy phép kinh doanh, không có thông tin phản ánh vi phạm pháp luật nào
6	Các nghĩa vụ về thuế, phí	Các minh chứng nộp thuế củ doanh nghiệp và nhà cung cấp, không có thông tin vi phạm nào được phát hiện

5.2.2. Rủi ro môi trường

Các rủi ro môi trường có thể bao gồm các rủi ro nêu tại bảng sau:

Bảng 4. Các rủi ro môi trường

TT	Tiêu chí rủi ro	Ví dụ cần kiểm tra
1	Khai thác tại vùng rừng nguyên sinh/ rừng tự nhiên	Bản đồ vệ tinh, ảnh GIS, đánh giá EIA (nếu có)
2	Gây suy thoái rừng	Tần suất khai thác vượt mức cho phép hoặc quản lý lập địa không phù hợp gây suy thoái đất.
3	Mất đa dạng sinh học	Vị trí gần khu vực sinh thái nhạy cảm (gần rừng tự nhiên, vùng đệm vườn quốc gia,...)
4	Vi phạm quy định phục hồi môi trường	Không có kế hoạch tái sinh rừng sau khai thác hoặc các ảnh hưởng môi trường do hoạt động sản xuất nguyên liệu gây tiêu cực tới môi trường không được giảm thiểu, khắc phục,...
5	Không có chứng nhận hoặc kế hoạch quản lý bền vững	Chưa có các loại chứng nhận bền vững liên quan đến khu vực đất, rừng sản xuất ra nguyên liệu, ví dụ: Chưa có kế hoạch quản lý rừng, chứng chỉ FSC, PEFC, Hữu cơ, Global Gap,...

5.2.3. Rủi ro xã hội và quyền cộng đồng địa phương

Bao gồm các rủi ro sau:

Bảng 5. Các rủi ro xã hội và quyền cộng đồng địa phương

TT	Tiêu chí rủi ro	Ví dụ cần kiểm tra
1	Vi phạm quyền của người dân tộc thiểu số, cộng đồng địa phương	Không có bằng chứng FPIC (tự do, được báo trước và có sự đồng thuận)
2	Tranh chấp đất đai	Báo cáo từ cộng đồng địa phương, vụ việc pháp lý chưa giải quyết
3	Vi phạm điều kiện lao động theo quy định của ILO 1998	Làm việc cưỡng bức, điều kiện làm việc không an toàn
4	Không thực hiện tham vấn cộng đồng	Không có biên bản họp, tài liệu chứng minh tham vấn
5	Tác động tiêu cực đến sinh kế địa phương	Không có đánh giá ảnh hưởng xã hội (SIA)

5.2.4. Rủi ro truy xuất nguồn gốc

Bảng 6. Rủi ro truy xuất nguồn gốc

TT	Tiêu chí rủi ro	Ví dụ cần kiểm tra
1	Thiếu thông tin tọa độ địa lý	Không có GPS, dữ liệu không đầy đủ
2	Dữ liệu không thống nhất giữa các hồ sơ	Lệch thông tin về tên nhà cung cấp, số lô
3	Không thể liên kết sản phẩm với nguồn gốc	Không có bản đồ truy xuất, hồ sơ thiếu mã lô
4	Chuỗi cung ứng phức tạp, nhiều khâu trung gian	Gây khó khăn cho xác minh minh bạch
5	Không có hệ thống kiểm soát truy xuất nội bộ	Không có thủ tục truy xuất nguồn, không ghi nhận lô sản xuất

5.3. Phân loại rủi ro

Tổ chức cần phân loại mức rủi ro như sau:

- **Rủi ro đáng kể:** Có bằng chứng cho thấy khả năng vi phạm pháp luật, suy thoái rừng, ảnh hưởng đến quyền con người, hoặc thiếu minh bạch truy xuất nguồn gốc.
- **Rủi ro không đáng kể:** Có đầy đủ thông tin xác minh tính hợp pháp và bền vững, không có mối đe dọa rõ ràng nào, thông tin minh bạch và dễ kiểm chứng.

5.4. Nguồn thông tin và công cụ hỗ trợ đánh giá rủi ro

- Bản đồ địa lý (GIS, GPS)
- Hồ sơ pháp lý, hợp đồng
- Hệ thống truy xuất nội bộ
- Báo cáo EIA/SIA
- Nguồn dữ liệu độc lập: FAO, Global Forest Watch, báo cáo bên thứ ba

5.5. Tỷ lệ rút mẫu đánh giá rủi ro

Tỷ lệ rút mẫu đánh giá rủi ro dựa trên mức độ rủi ro cấp quốc gia do EU ban hành theo 3 mức rủi ro: (i) rủi ro thấp; (ii) rủi ro tiêu chuẩn; và (iii) rủi ro cao. Tỷ lệ rút mẫu trong đánh giá rủi ro quy định như sau:

Bảng 7. Tỷ lệ rút mẫu đánh giá rủi ro

TT	Mức rủi ro cấp quốc gia	Tỷ lệ kiểm tra hồ sơ (%)	Tỷ lệ kiểm tra thực địa tại nơi sản xuất (%)
1	Rủi ro thấp	1-5% lô hàng	1% trang trại/sản xuất
2	Rủi ro tiêu chuẩn	5-10% lô hàng	3% trang trại/sản xuất
3	Rủi ro cao	15-100% lô hàng	9% trang trại/sản xuất

5.6. Báo cáo đánh giá rủi ro

Báo cáo đánh giá rủi ro cung cấp các thông tin về các loại rủi ro theo các khía cạnh: (i) Pháp lý; (ii) Môi trường; (iii) Xã hội; và (iv) Truy xuất nguồn gốc. Báo cáo thể hiện được các thông tin về rủi ro kèm theo bằng chứng. Các loại rủi ro được đánh giá theo hai mức: (i) Rủi ro không đáng kể; và (ii) Rủi ro đáng kể. Kèm theo đó là các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

6. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

6.1. Nguyên tắc chung

Tổ chức phải thực hiện biện pháp giảm thiểu khi đánh giá rủi ro cho thấy có **rủi ro đáng kể** đối với một hoặc nhiều tiêu chí trong các nhóm: pháp lý, môi trường, xã hội/quyền bản địa và truy xuất nguồn gốc. Biện pháp giảm thiểu phải đảm bảo:

- Rủi ro được **giảm xuống mức không đáng kể**
- Có **bằng chứng xác minh** được áp dụng đầy đủ
- Được **ghi nhận và theo dõi** trong hệ thống DDS

6.2. Biện pháp giảm thiểu phù hợp

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp được mô tả tại Bảng sau:

Bảng 8. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

Nhóm rủi ro	Biện pháp giảm thiểu
Pháp lý	- Kiểm tra giấy phép khai thác, quyền sử dụng đất, bảng kê lâm sản/hàng hóa
	- Yêu cầu cung cấp hồ sơ pháp lý bổ sung
	- Áp dụng hợp đồng có điều khoản ràng buộc pháp lý
	- Từ chối nguồn cung nếu không khắc phục
Môi trường	- Thực hiện đánh giá tác động môi trường (EIA) nếu có thể
	- Xác minh vùng không thuộc khu vực bị suy thoái
	- Áp dụng kế hoạch phục hồi rừng, đất sau khai thác
	- Chỉ mua từ đơn vị có chứng chỉ bền vững
Xã hội – người bản địa	- Thực hiện tham vấn cộng đồng bản địa (FPIC)
	- Xác minh không có tranh chấp đất đai (phỏng vấn địa phương, kiểm tra trực tiếp lô đất)
	- Đào tạo nhà cung cấp về quyền con người và lao động
	- Yêu cầu báo cáo cam kết và tuân thủ xã hội
Truy xuất nguồn gốc	- Thiết lập hệ thống ghi nhận thông tin GPS/lô hàng
	- Soát xét hồ sơ định kỳ, kiểm tra chéo dữ liệu
	- Áp dụng đánh dấu lô, mã vạch, hoặc QR code, app điện thoại,...
	- Truy xuất dữ liệu qua các nền tảng độc lập (GFW, GPS app, v.v.)

6.3. Kế hoạch thực hiện giảm thiểu rủi ro

Mỗi kế hoạch thực hiện giảm thiểu rủi ro sẽ được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro và bao gồm các nội dung sau:

- Loại rủi ro và tiêu chí cụ thể
- Phạm vi áp dụng
- Hành động cụ thể cần thực hiện
- Thời gian hoàn thành
- Người/phòng ban phụ trách
- Kết quả mong đợi
- Phương pháp theo dõi và xác minh

Mẫu Báo cáo đánh giá rủi ro đầy đủ và kế hoạch giảm thiểu rủi ro được nêu tại **Phụ lục 2**.

6.4. Theo dõi và cải tiến biện pháp giảm thiểu rủi ro

Việc theo dõi thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro phải được thực hiện theo định kỳ và là cơ sở để cải thiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro. Cụ thể:

- Mỗi biện pháp cần được theo dõi định kỳ (ít nhất mỗi quý)
- Kết quả đánh giá được ghi nhận vào **báo cáo đánh giá nội bộ DDS**
- Nếu rủi ro **không được giảm xuống mức không đáng kể**, tổ chức **không được sử dụng nguồn nguyên liệu đó**

7. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ VÀ XEM XÉT CỦA LÃNH ĐẠO

7.1. Mục tiêu

Đảm bảo hệ thống DDS được xây dựng và triển khai hiệu quả, phù hợp với các yêu cầu pháp lý và kỹ thuật theo tiêu chuẩn PEFC và Quy định EUDR, thông qua các hoạt động kiểm tra định kỳ và xem xét từ ban lãnh đạo nhằm xác nhận:

- Mức độ tuân thủ quy định và hiệu quả hệ thống
- Việc nhận diện và xử lý các rủi ro một cách đầy đủ
- Khả năng cải tiến liên tục hệ thống DDS

7.2. Đánh giá nội bộ hệ thống DDS

7.2.1. Tần suất thực hiện

- Định kỳ tối thiểu **01 lần/năm**
- Thực hiện bổ sung khi có thay đổi lớn về chuỗi cung ứng, khu vực khai thác hoặc các tiêu chuẩn pháp lý

7.2.2. Nội dung đánh giá

- Việc thực hiện và duy trì các bước trong hệ thống DDS: thu thập thông tin, đánh giá rủi ro, biện pháp giảm thiểu
- Tình trạng hồ sơ truy xuất, dữ liệu GPS, báo cáo đánh giá rủi ro
- Tuân thủ các yêu cầu về quyền bản địa, pháp lý, môi trường và chuỗi cung ứng
- Hiệu lực và tính đầy đủ của biện pháp giảm thiểu
- Báo cáo và hành động khắc phục từ các đợt kiểm tra trước

Mẫu đánh giá nội bộ nêu tại **Phụ lục 3**.

7.3. Đánh giá của tập thể lãnh đạo

7.3.1. Mục tiêu

- Đánh giá tổng thể hiệu lực hệ thống DDS
- Ra quyết định về cải tiến, đầu tư nguồn lực, sửa đổi chính sách
- Ghi nhận các kết quả, rủi ro tồn tại, đề xuất khuyến nghị

7.3.2. Nội dung xem xét

- Kết quả đánh giá nội bộ
- Rủi ro đáng kể chưa được loại trừ
- Các thay đổi pháp luật hoặc yêu cầu mới của khách hàng/EU
- Hiệu quả biện pháp giảm thiểu rủi ro
- Phản hồi từ các bên liên quan
- Đề xuất cải tiến từ các bộ phận thực hiện

Mẫu báo cáo khuyến nghị nêu tại **Phụ lục 4**.

7.4. Hồ sơ và lưu trữ

- Biên bản đánh giá nội bộ và biên bản xem xét lãnh đạo phải được lưu trữ tối thiểu **5 năm**
- Có thể yêu cầu cung cấp cho cơ quan thẩm quyền tại EU hoặc đơn vị chứng nhận

8. BÁO CÁO TUYÊN BỐ VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ

8.1. Mục tiêu

Đảm bảo toàn bộ hoạt động của hệ thống DDS được ghi nhận, theo dõi và báo cáo đầy đủ nhằm:

- Chứng minh sự tuân thủ với các yêu cầu của Quy định EUDR
- Cung cấp thông tin minh bạch, có thể kiểm tra và truy xuất
- Hỗ trợ công tác đánh giá của bên thứ ba và cơ quan có thẩm quyền

8.2. Yêu cầu về báo cáo tuyên bố

8.2.1. Nội dung báo cáo tuyên bố bao gồm:

1) **Thông tin doanh nghiệp:**

Tên và địa chỉ của nhà khai thác hoặc thương nhân.

Mã số đăng ký và định danh nhà kinh tế (EORI – Economic Operators Registration and Identification).

2) **Thông tin sản phẩm:**

Mô tả chi tiết về sản phẩm, bao gồm tên sản phẩm.

Mã HS (Hệ thống hài hòa quốc tế).

Nguồn gốc hợp pháp của sản phẩm.

3) **Dữ liệu vị trí địa lý:**

Tọa độ của tất cả các khu đất nơi hàng hóa liên quan được sản xuất.

Dữ liệu có thể cần được chuyển đổi sang định dạng GeoJSON.

4) **Thông tin chuỗi cung ứng:**

Thông tin chi tiết về tất cả các cá nhân hoặc công ty tham gia vào quá trình xử lý sản phẩm trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

5) **Đánh giá rủi ro:**

Mô tả cách thức nhà khai thác xác minh dữ liệu thu thập từ hiện trường.

Đánh giá rủi ro cho thấy sản phẩm có thể liên quan đến mất rừng hoặc suy thoái rừng.

Chi tiết về các bước đã thực hiện để giảm thiểu các rủi ro này xuống mức không đáng kể.

6) **Yêu cầu về truy xuất nguồn gốc:**

Chứng minh rằng sản phẩm có nguồn gốc hợp pháp và được sản xuất trên đất không bị mất rừng kể từ sau ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Quy trình áp dụng đối với sản phẩm có nhiều nguồn gốc hoặc có phần không tuân thủ.

Yêu cầu cụ thể đối với các sản phẩm được giao dịch số lượng lớn.

8.2.2. Thời điểm lập báo cáo

- Trước khi sản phẩm được đưa ra thị trường EU hoặc xuất khẩu cho khách hàng thuộc khối EU
- Định kỳ cập nhật nếu có sự thay đổi về chuỗi cung ứng, lô hàng, nguồn gốc

Mẫu báo cáo nêu tại **Phụ lục 5**.

8.3. Lưu trữ hồ sơ DDS

8.3.1. Danh mục hồ sơ cần lưu trữ

- Hồ sơ xác định nguồn gốc sản phẩm (GPS, bản đồ, hợp đồng cung ứng)
- Hồ sơ đánh giá rủi ro và phân loại rủi ro theo từng lô hàng
- Biên bản áp dụng và xác nhận biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Hồ sơ đánh giá nội bộ, xem xét lãnh đạo và các hành động cải tiến
- Báo cáo tuyên bố hệ thống EUDR DDS đã lập và gửi đi

8.3.2. Thời hạn lưu trữ

- **Tối thiểu 5 năm** kể từ ngày sản phẩm được đưa ra thị trường
- Đảm bảo sẵn sàng cung cấp cho các bên chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền của EU khi có yêu cầu

8.3.3. Hình thức lưu trữ

- Có thể lưu hồ sơ dưới dạng giấy hoặc điện tử
- Phải đảm bảo tính toàn vẹn, bảo mật, dễ truy xuất

Checklist tổng thể hồ sơ EUDR DDS được trình bày trong **Phụ lục 6**.

Phụ lục 1: Mẫu báo cáo EUDR DDS đơn giản cho quốc gia rủi ro thấp và không có điểm quan ngại (red flags)

BÁO CÁO EUDR DDS ĐƠN GIẢN

Áp dụng cho: Hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam

Phân loại rủi ro: Quốc gia rủi ro thấp – *Không phát hiện dấu hiệu cảnh báo (red flag)*

Ngày lập báo cáo: [DD/MM/YYYY]

Người lập báo cáo: [Tên cán bộ tuân thủ / đại diện doanh nghiệp]

Tên tổ chức/doanh nghiệp: [Tên pháp lý đầy đủ]

I. Mục đích của báo cáo

Báo cáo này nhằm chứng minh sự tuân thủ Quy định EU 2023/1115 về các sản phẩm không gây mất rừng (EUDR) bằng cách trình bày các yêu cầu tối thiểu theo Điều 9(1). Báo cáo áp dụng cho chuỗi cung ứng có nguồn gốc từ Việt Nam – quốc gia được phân loại là rủi ro thấp, không phát hiện dấu hiệu cảnh báo (red flag). Do đó, không cần thực hiện đánh giá rủi ro và biện pháp giảm thiểu.

II. Phạm vi áp dụng

- Quốc gia sản xuất: Việt Nam
- Loại hàng hóa: [Gỗ / Cà phê / Cao su / Ca cao / Đậu nành / Dầu cọ / Thịt bò]
- Thị trường tiêu thụ: Liên minh châu Âu (EU)
- Giai đoạn chuỗi cung ứng: [Ví dụ: khai thác, sơ chế, xuất khẩu]

III. Thông tin bắt buộc theo Điều 9(1)

Thông tin yêu cầu	Chi tiết / Hồ sơ minh chứng
Quốc gia sản xuất	Việt Nam
Vị trí địa lý của vùng sản xuất	- < 4 ha: Tọa độ GPS (1 điểm trung tâm) - ≥ 4 ha: Polygon định dạng GeoJSON - Đính kèm bản đồ nếu có
Thời điểm sản xuất / khai thác	[Tháng/Năm] – Ví dụ: “Thu hoạch tháng 12/2024”
Tuân thủ pháp luật	- Giấy CNQSDĐ, giấy phép khai thác (nếu có) - Hóa đơn, bảng kê, vận đơn
Thông tin nhà cung cấp	- Tên đầy đủ, địa chỉ, mã số thuế (nếu có)
Loại hàng hóa	- Loại: [gỗ, cao su, cà phê...] - Sản lượng: [ví dụ: 100 m ³ , 50 tấn]
Cam kết lưu trữ hồ sơ	Tài liệu được lưu trữ tối thiểu 05 năm và sẵn sàng cung cấp khi EU yêu cầu

IV. Cam kết và xác nhận

Chúng tôi xác nhận rằng:

- Hàng hóa trong báo cáo không gây mất rừng (sau ngày 31/12/2020);
- Tất cả hoạt động đều tuân thủ pháp luật Việt Nam;
- Không có dấu hiệu red flag phát sinh;

- Cam kết lập báo cáo trung thực, đầy đủ theo Điều 9 EUDR;
- Hồ sơ được lưu trữ ít nhất 05 năm và sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu.

Người lập báo cáo:

Chức vụ:

Ký tên:

Ngày:/...../20.....

Cam kết: Nếu trong quá trình rà soát phát hiện bất kỳ *dấu hiệu rủi ro* nào (*red flag*) như: nghi ngờ tính hợp pháp đất, thiếu dữ liệu GPS, tranh chấp cộng đồng, rủi ro mất rừng,... thì doanh nghiệp chúng tôi sẽ **phải lập hệ thống DDS đầy đủ**, bao gồm **đánh giá rủi ro và biện pháp giảm thiểu** theo Điều 10 và 11 của EUDR.

Phụ lục 2. Mẫu báo cáo Hệ thống thẩm định đầy đủ (EUDR-DDS)

BÁO CÁO HỆ THỐNG THẨM ĐỊNH ĐẦY ĐỦ (EUDR DDS)

(Áp dụng theo Quy định EU 2023/1115 – Điều 10 và Điều 11)

I. Thông tin chung

- Tên tổ chức / Doanh nghiệp:
- Quốc gia sản xuất:
- Loại hàng hóa:
- Ngày lập báo cáo:/...../20.....

II. Thông tin chuỗi cung ứng

- Nhà cung cấp:
- Địa chỉ:
- Loại hàng hóa:
- Thời gian sản xuất / khai thác:

III. Bảng Đánh Giá Rủi Ro Theo Tiêu Chí

TT	Tiêu chí đánh giá	Dấu hiệu cảnh báo (Red Flag)	Mức độ rủi ro (Đáng kể/ không đáng kể)	Nguồn thông tin / Hồ sơ tham chiếu	Ghi chú
1	Mất rừng sau 31/12/2020				
2	Tính hợp pháp (GCN QSDĐ, giấy phép khai thác...)				
3	Truy xuất nguồn gốc rõ ràng				
4	Quyền con người / Quyền bản địa				
5	Quốc gia không thuộc nhóm rủi ro thấp				
6	Thông tin sai lệch / không đầy đủ				
7	Rủi ro khác (môi trường, xã hội...)				

IV. Kế Hoạch Thực Hiện Giảm Thiểu Rủi Ro

(Áp dụng đối với các tiêu chí có mức rủi ro đáng kể) – ví dụ minh họa

TT	Loại rủi ro / Tiêu chí	Phạm vi áp dụng	Hành động cụ thể cần thực hiện	Thời gian hoàn thành	Người/phòng ban phụ trách	Kết quả mong đợi	Phương pháp theo dõi & xác minh
1	Ví dụ: Thiếu GCN QSDĐ	Vùng nguyên liệu xã X	- Rà soát hồ sơ pháp lý - Hướng dẫn bổ sung giấy tờ	30/09/2025	Bộ phận thu mua	Hồ sơ đầy đủ	Đối chiếu hồ sơ, kiểm tra thực địa
2	Truy xuất nguồn gốc không đầy đủ	Nhóm hộ nhỏ lẻ	- Thu thập thông tin GPS, ảnh chứng minh - Tập huấn kê khai	15/10/2025	Bộ phận cung ứng	Dữ liệu truy xuất đầy đủ	Hồ sơ điện tử, phỏng vấn

V. Cam kết và xác nhận

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp nêu trên để đảm bảo tính tuân thủ theo Quy định EU 2023/1115. Hồ sơ này sẽ được lưu giữ trong tối thiểu 5 năm và sẵn sàng cung cấp cho cơ quan chức năng hoặc tổ chức chứng nhận bên thứ ba khi cần thiết.

- Người thực hiện đánh giá:
- Chức vụ:
- Ngày đánh giá:/...../20.....

Phụ lục 3. Mẫu báo cáo đánh giá nội bộ EUDR DDS (áp dụng cho EUDR DDS đầy đủ)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ HỆ THỐNG EUDR DDS

Ngày đánh giá:/...../20.....

Tổ chức thực hiện:

Người thực hiện đánh giá:

Phạm vi đánh giá: Toàn bộ hệ thống EUDR DDS liên quan đến chuỗi cung ứng các sản phẩm chịu sự điều chỉnh của Quy định EU 2023/1115 (EUDR).

1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá mức độ thực hiện và hiệu lực của Hệ thống thẩm định (EUDR DDS), bao gồm:

- Việc thu thập thông tin bắt buộc;
- Đánh giá và phân loại rủi ro;
- Thực hiện biện pháp giảm thiểu;
- Tuân thủ các yêu cầu pháp lý, môi trường, quyền bản địa và truy xuất nguồn gốc;
- Ghi nhận điểm không phù hợp (nếu có) và đề xuất hành động khắc phục.

2. Tần suất đánh giá

- Thực hiện định kỳ tối thiểu 01 lần/năm;
- Bổ sung khi có thay đổi lớn về chuỗi cung ứng, khu vực khai thác hoặc quy định pháp lý,...

3. Nội dung đánh giá

TT	Hạng mục đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Đạt/Không đạt	Ghi chú/Mình chứng
1	Việc thực hiện các bước DDS	Thu thập thông tin, đánh giá rủi ro, biện pháp giảm thiểu được thực hiện đầy đủ, đúng quy trình?		
2	Tình trạng hồ sơ truy xuất và dữ liệu GPS	Dữ liệu GPS (point/polygon), hồ sơ lô hàng và tài liệu chứng minh có đầy đủ và cập nhật?		
3	Báo cáo đánh giá rủi ro	Báo cáo đánh giá rủi ro được lập đúng thời điểm, có phân tích và phân loại rủi ro rõ ràng?		
4	Tuân thủ pháp lý và quyền bản địa	Có bằng chứng tuân thủ pháp luật, không có khiếu nại từ cộng đồng bản địa?		
5	Biện pháp giảm thiểu	Các biện pháp giảm thiểu rủi ro có phù hợp, đầy đủ và có bằng chứng thực hiện?		
6	Báo cáo & khắc phục sau đánh giá trước đó	Các hành động khắc phục từ kỳ đánh giá trước đã được thực hiện và có bằng chứng lưu trữ?		

4. Tổng hợp điểm không phù hợp (non-conformities) – Ví dụ

TT	Mô tả điểm không phù hợp	Mức độ (Lớn/Nhỏ/Quan sát)	Yêu cầu hành động khắc phục	Thời hạn hoàn thành	Trách nhiệm thực hiện
1	Thiếu polygon định vị với lô rừng trên 4ha của Nhà cung cấp A	Nhỏ	Cập nhật polygon đúng định dạng GeoJSON	15/07/2025	Bộ phận kỹ thuật GIS
2	Chưa có giấy CNQSDĐ tại lô rừng Nhà cung cấp B	Lớn	Bổ sung hoặc dừng cung ứng đến khi có hồ sơ hợp lệ	20/07/2025	Bộ phận thu mua
3	Báo cáo đánh giá rủi ro chưa cập nhật cho vùng cung ứng mới	Quan sát	Bổ sung bản cập nhật đánh giá rủi ro	10/8/2025	Điều phối viên DDS

Ghi chú:

- **Lỗi lớn (Major NC):** Gây ảnh hưởng đến khả năng đảm bảo tuân thủ EUDR.
- **Lỗi nhỏ (Minor NC):** Không ảnh hưởng tức thời nhưng cần khắc phục.
- **Quan sát (Observation):** Rủi ro tiềm tàng cần theo dõi thêm.

5. Kết luận và khuyến nghị

.....

.....

Người đánh giá

Họ và tên:

Chức vụ:

Ngày lập báo cáo:/...../20.....

Phụ lục 4. Mẫu báo cáo soát xét cấp lãnh đạo cho hệ thống EUDR DDS

MẪU BIÊN BẢN SOÁT XÉT CỦA LÃNH ĐẠO (Áp dụng cho Hệ thống Thẩm định - DDS theo Quy định EU 2023/1115)

1. Thông tin chung

- Đơn vị thực hiện:
- Người chủ trì soát xét:
- Ngày thực hiện:/...../20.....
- Lần soát xét số:

2. Thành phần tham dự

-
-
-

3. Nội dung xem xét

3.1. Mức độ tuân thủ các bước trong hệ thống DDS:

Nội dung đánh giá	Nhận xét	Kết luận
Việc thu thập thông tin chuỗi cung ứng (theo Điều 9 EU 2023/1115)		
Xác minh tọa độ & pháp lý sử dụng đất		
Tuân thủ quyền cộng đồng bản địa (FPIC)		
Tuân thủ quy định môi trường		
Thực hiện đánh giá rủi ro theo Điều 10 EU 2023/1115		
Thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro theo Điều 11 EU 2023/1115		
Lưu trữ hồ sơ và báo cáo DDS		

3.2. Kiểm tra hồ sơ và dữ liệu lưu trữ:

- Hồ sơ truy xuất nguồn gốc, dữ liệu tọa độ GPS (GeoJSON)
- Hồ sơ pháp lý (GCN quyền sử dụng đất, giấy phép khai thác, đăng ký kinh doanh...)
- Tài liệu liên quan đến tuân thủ quy định pháp luật và môi trường

3.3. Hiệu lực của biện pháp giảm thiểu rủi ro (nếu có):

.....

.....

3.4. Các điểm không phù hợp phát hiện từ đánh giá nội bộ hoặc bên ngoài:

.....

.....

3.5. Các thay đổi có ảnh hưởng đến hệ thống DDS (nếu có):

.....

.....

4. Kết luận và hành động cải tiến

Hệ thống DDS hiện tại:

- ☐ Đáp ứng yêu cầu
- ☐ Không đáp ứng yêu cầu
- ☐ Không đạt – cần hành động khẩn cấp

Các hành động cải tiến cần thực hiện:

.....

.....

Thời gian hoàn thành:/...../20.....

Người chịu trách nhiệm:

Người lập biên bản:

Chức vụ:

Ngày:/...../20.....

Phụ lục 5. Báo cáo tuyên bố hệ thống EUDR DDS

BÁO CÁO TUYÊN BỐ HỆ THỐNG EUDR DDS/ EUDR Due Diligence Statement (DDS) Report

(Theo Quy định EU 2023/1115 – Sản phẩm không gây mất rừng)

1. Giới thiệu

Báo cáo Tuyên bố DDS này được lập theo Quy định (EU) 2023/1115 về các sản phẩm không gây mất rừng. Tuyên bố này xác nhận rằng tổ chức đã hoàn thành quy trình thẩm định trước khi đưa sản phẩm vào thị trường EU, bao gồm đánh giá và giảm thiểu các rủi ro liên quan đến mất rừng và tính hợp pháp. Tài liệu này được nộp điện tử thông qua nền tảng TRACES NT.

2. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp / thương nhân:
- Địa chỉ:
- Số EORI:

3. Thông tin sản phẩm

- Tên sản phẩm:
- Mã HS (Hệ thống hài hòa):
- Xuất xứ hợp pháp của sản phẩm:

4. Dữ liệu vị trí địa lý

Tọa độ của tất cả các lô đất nơi sản phẩm được sản xuất. Dữ liệu vị trí được cung cấp theo định dạng GeoJSON như quy định.

- Tọa độ / Tập GeoJSON:

5. Thông tin chuỗi cung ứng

Thông tin chi tiết về tất cả các bên có liên quan trong chuỗi cung ứng của sản phẩm:

- Nhà cung cấp 1:
- Nhà cung cấp 2:
- Đơn vị nhập khẩu / phân phối:

6. Đánh giá rủi ro

- Mô tả quy trình xác minh dữ liệu hiện trường:

.....

- Đánh giá rủi ro về mất rừng / suy thoái rừng:

.....

- Các hành động giảm thiểu rủi ro nhằm đưa rủi ro về mức không đáng kể:

.....

7. Yêu cầu về truy xuất nguồn gốc

- Tuyên bố tuân thủ:

Sản phẩm có nguồn gốc hợp pháp và được sản xuất trên đất không bị mất rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Xử lý đối với sản phẩm có nhiều nguồn gốc hoặc phần không tuân thủ:

.....

- Đặc thù đối với sản phẩm giao dịch số lượng lớn (nếu có):

.....

8. Cam kết

Chúng tôi, với tư cách là tổ chức/đơn vị chịu trách nhiệm đưa sản phẩm vào thị trường EU, cam kết rằng:

- Tất cả các thông tin được cung cấp trong Báo cáo Tuyên bố DDS này là chính xác, đầy đủ, trung thực, và được thu thập theo đúng quy trình thẩm định bắt buộc theo Quy định (EU) 2023/1115.
- Sản phẩm được nêu trong báo cáo không liên quan đến mất rừng hoặc suy thoái rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- Sản phẩm có nguồn gốc hợp pháp, và việc sản xuất, chế biến tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật tại quốc gia sản xuất (bao gồm đất đai, môi trường, lao động và quyền con người).
- Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các bước trong hệ thống DDS, bao gồm: thu thập thông tin, đánh giá rủi ro và, nếu có, các biện pháp giảm thiểu rủi ro nhằm đảm bảo rủi ro còn lại ở mức không đáng kể.
- Chúng tôi cam kết lưu trữ toàn bộ hồ sơ DDS trong ít nhất 5 năm, và sẵn sàng cung cấp khi được cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức chứng nhận yêu cầu.

Người đại diện hợp pháp:

Chức vụ:

Tổ chức / Doanh nghiệp:

Ngày:/...../20.....

Chữ ký và đóng dấu:

Phụ lục 6. Checklist tổng thể hệ thống EUDR DDS

BẢNG KIỂM TRA TỔNG THỂ HỆ THỐNG EUDR DDS
(Theo Quy định (EU) 2023/1115 về sản phẩm không gây mất rừng)

Mục kiểm tra	Câu hỏi đánh giá	Minh chứng yêu cầu	Tuân thủ ⁽¹⁾ (Có/Không)	Ghi chú ⁽²⁾ / Hành động khắc phục
Thu thập thông tin	Tất cả các lô sản xuất có tọa độ địa lý (GeoJSON) không?	Dữ liệu GPS hoặc bản đồ polygon		
Thu thập thông tin	Ngày thu hoạch đã được ghi nhận đầy đủ chưa?	Hồ sơ thu hoạch		
Thu thập thông tin	Có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất không?	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) hoặc giấy tờ chứng minh khác phù hợp		
Thu thập thông tin	Có tài liệu chứng minh tuân thủ pháp luật (thuế, lao động, môi trường)?	Hồ sơ pháp lý hợp lệ		
Đánh giá rủi ro	Đã đánh giá rủi ro mất rừng bằng công cụ GIS / ảnh vệ tinh chưa?	Báo cáo phân tích vệ tinh		
Đánh giá rủi ro	Rủi ro pháp lý đã được đánh giá chưa?	Ma trận rủi ro hoặc báo cáo đánh giá		
Giảm thiểu rủi ro	Có thực hiện hành động giảm thiểu đối với rủi ro không đáng kể không?	Kế hoạch giảm thiểu rủi ro hoặc biên bản kiểm tra hiện trường		
Giảm thiểu rủi ro	Nhà cung cấp có được thay đổi hoặc hỗ trợ để đáp ứng yêu cầu tuân thủ không?	Hồ sơ liên lạc với nhà cung cấp		
Truy xuất nguồn gốc	Mỗi lô hàng có truy xuất được đến cấp nông hộ không?	Hồ sơ theo dõi từng lô		
Truy xuất nguồn gốc	Hồ sơ khối lượng có nhất quán trong toàn bộ chuỗi cung ứng không?	Bảng đối chiếu khối lượng		
Tuyên bố DDS	Đã lập DDS và nộp qua hệ thống TRACES NT cho từng lô hàng xuất EU chưa?	Hồ sơ DDS, bản chụp gửi qua TRACES NT		
Tuyên bố DDS	Quy trình phê duyệt DDS có được ghi nhận và lưu trữ nội bộ không?	Nhật ký phê duyệt nội bộ		
Lưu trữ hồ sơ	Tất cả hồ sơ có được lưu trữ ít nhất 5 năm không?	Chính sách lưu trữ hồ sơ		
Lưu trữ hồ sơ	Hệ thống sao lưu dữ liệu (bản mềm / điện tử) có được thiết lập và duy trì?	Hồ sơ sao lưu IT		

Ghi chú: (1) Ghi rõ “Có” / “Không” vào cột “Tuân thủ”; (2) Nêu lý do chưa tuân thủ và hành động khắc phục tương ứng trong cột “Ghi chú”.